

Số: *916* /TCT-CS
V/v Trả lời chính sách thuế

Hà Nội, ngày *28* tháng *02* năm *2025*

Kính gửi: Công ty Cổ phần Boo Nước sạch Sa Pa
(Đ/c: Số nhà 780, đường Điện Biên Phủ, phường Phan Si Păng, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai)

Trả lời công văn số 35/BOOSAPA-KT ngày 18/11/2024 của Công ty Cổ phần Boo Nước sạch Sa Pa vướng mắc về chính sách thuế TNDN. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Ưu đãi thuế TNDN

1.1. Đối tượng áp dụng ưu đãi thuế TNDN

Tổng cục Thuế đã có công văn số 6138/TCT-CS ngày 20/12/2024 trả lời vướng mắc về ưu đãi thuế TNDN gửi Cục Thuế tỉnh Lào Cai (photo kèm theo).

1.2. Về thời điểm áp dụng ưu đãi thuế TNDN

- Tại khoản 6 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định:

“6. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ dự án đầu tư mới; đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao.”

- Tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định:

“4. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Điều này được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Khoản 1 Điều này được tính từ thời điểm được công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...”

- Tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định quy định:

“Điều 4. Xác định nguyên giá của tài sản cố định:

1. Xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình:

a) TSCĐ hữu hình mua sắm:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm (kể cả mua mới và cũ): là giá mua thực tế phải trả cộng (+) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại), các chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: lãi tiền vay phát sinh trong quá trình đầu tư mua sắm tài sản cố định; chi phí vận chuyển, bốc dỡ; chi phí nâng cấp; chi phí lắp đặt, chạy thử; lệ phí trước bạ và các chi phí liên quan trực tiếp khác.”

- Tại điểm d1, d2, d4, d6 khoản 1 Điều 35 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính quy định:

“d1) Nguyên giá TSCĐ hữu hình do mua sắm bao gồm: Giá mua (trừ các khoản được chiết khấu thương mại, giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí vận chuyển và bốc xếp ban đầu, chi phí lắp đặt, chạy thử (trừ (-) các khoản thu hồi về sản phẩm, phế liệu do chạy thử), chi phí chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Chi phí lãi vay phát sinh khi mua sắm TSCĐ đã hoàn thiện (TSCĐ sử dụng được ngay mà không cần qua quá trình đầu tư xây dựng) không được vốn hóa vào nguyên giá TSCĐ.

...

d2) Nguyên giá TSCĐ hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành

- Nguyên giá TSCĐ theo phương thức giao thầu: Là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Đối với tài sản cố định là con súc vật làm việc hoặc cho sản phẩm, vườn cây lâu năm thì nguyên giá là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra cho con súc vật, vườn cây đó từ lúc hình thành cho tới khi đưa vào khai thác, sử dụng và các chi phí khác trực tiếp có liên quan.

- TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự sản xuất:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp TSCĐ đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì doanh nghiệp hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tự sản xuất là giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Trong cả hai trường hợp trên, nguyên giá TSCĐ bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử. Doanh nghiệp không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình các khoản lãi nội bộ và các khoản chi phí không hợp lý như nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động



hoặc các khoản chi phí khác sử dụng vượt quá mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự sản xuất.

d4) Nguyên giá TSCĐ hữu hình được cấp, được điều chuyển đến bao gồm: Giá trị còn lại trên sổ kế toán của tài sản cố định ở doanh nghiệp cấp, doanh nghiệp điều chuyển hoặc giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật và các chi phí liên quan trực tiếp như vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có)... mà bên nhận tài sản phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

d6) Nguyên giá tài sản cố định do phát hiện thừa, được tài trợ, biếu, tặng: Là giá trị theo đánh giá thực tế của Hội đồng giao nhận hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp; Các chi phí mà bên nhận phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, lắp đặt, chạy thử, lệ phí trước bạ (nếu có).”

Theo các quy định nêu trên, trường hợp khoản thu từ việc bán sản phẩm sản xuất thử nếu được ghi nhận giảm trừ vào nguyên giá tài sản cố định theo quy định về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định thì khoản thu từ việc bán sản phẩm sản xuất thử không ghi nhận doanh thu của Dự án. Thời điểm áp dụng thuế suất thuế TNDN ưu đãi và thời gian miễn, giảm thuế được thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN.

2. Về giá tính thuế tài nguyên

Theo trình bày của Công ty tại văn bản số 35/BOOSAPA-KT thì Công ty khai thác nước thiên nhiên không bán ra luôn mà đưa toàn bộ vào sản xuất nước sạch, do đó không xác định được giá bán. Vấn đề tương tự, Tổng cục Thuế đã có:

- Công văn số 77/TCT-CS ngày 05/1/2018 trả lời Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên: “... đối với hoạt động khai thác nước thiên nhiên không bán ra mà đưa vào sản xuất nước sạch thì tính thuế tài nguyên trên sản lượng nước thiên nhiên khai thác và giá tính thuế đơn vị tài nguyên nước thiên nhiên khai thác do UBND tỉnh quy định được hướng dẫn tại điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC nêu trên, phải đảm bảo lớn hơn hoặc bằng mức giá tối thiểu của nhóm, loại tài nguyên tương ứng quy định tại Khung giá tính thuế tài nguyên được hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 44/2017/TT-BTC.”

- Công văn số 1852/TCT-CS ngày 17/5/2023 trả lời Cục Thuế tỉnh Hòa Bình: “Trường hợp nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh mà không có giá bán ra thì giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó.”

Đề nghị Công ty Cổ phần Boo Nước sạch Sa Pa nghiên cứu công văn số 77/TCT-CS ngày 05/1/2018 và công văn số 1852/TCT-CS ngày 17/5/2023 nêu trên và điều kiện thực tế đáp ứng, liên hệ cơ quan có thẩm quyền tại địa phương

và cơ quan quản lý trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện theo quy định pháp luật.

Tổng cục Thuế thông báo để các đơn vị được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTCTr. Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Cục Thuế tỉnh Lào Cai;
- Vụ PC – TCT;
- Website TCT;
- Lưu VT, CS.

(3/4)

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
VỤ TRƯỞNG



Thị Tuyết Mai



BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~77~~ /TCT-CS
Về giá tính thuế tài nguyên.

Hà Nội, ngày 05 tháng 1 năm 2018

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 2353/STC-QLGCS ngày 10/7/2017 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên về xác định giá tính thuế tài nguyên đối với nước khai thác sản xuất nước sạch; Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại khoản 5, Điều 5 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên quy định:

“5. Đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp, nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định bằng mét khối (m³) hoặc lít (l) theo hệ thống đo đếm đạt tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam.

Người nộp thuế phải lắp đặt thiết bị đo đếm sản lượng nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên khai thác để làm căn cứ tính thuế. Thiết bị lắp đặt phải có giấy kiểm định của cơ quan quản lý đo lường chất lượng tiêu chuẩn Việt Nam và thông báo lần đầu với cơ quan thuế kèm theo hồ sơ khai thuế tài nguyên trong kỳ khai thuế gần nhất kể từ ngày lắp đặt xong thiết bị.

Trường hợp do điều kiện khách quan không thể lắp đặt được thiết bị đo đếm sản lượng nước khai thác sử dụng và không trực tiếp xác định được sản lượng tính thuế thì thực hiện khoán sản lượng tài nguyên khai thác theo kỳ tính thuế. Cơ quan thuế phối hợp với cơ quan có liên quan ở địa phương xác định sản lượng tài nguyên khai thác được khoán để tính thuế tài nguyên theo quy định tại Thông tư này.”

- Tại điểm c, khoản 4, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC quy định: *“c) Đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp, nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh mà không có giá bán ra thì giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định theo nguyên tắc hướng dẫn tại khoản 5 Điều này.”*

- Tại khoản 4, Điều 5 Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau quy định:

“4. Giá tính thuế tài nguyên tại Bảng giá tính thuế tài nguyên phải phù hợp với khung giá tính thuế tài nguyên và lớn hơn hoặc bằng mức giá tối thiểu của nhóm, loại tài nguyên tương ứng quy định tại Khung giá tính thuế tài nguyên. ...”

- Tại Điều 8 Thông tư số 44/2017/TT-BTC quy định:

“Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với loại tài nguyên trong Bảng giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh ban hành và đang có hiệu lực thi hành, phù hợp với Khung giá tính thuế tài nguyên ban hành theo Thông tư này thì tiếp tục áp dụng theo Bảng giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành.

2. Đối với loại tài nguyên trong Bảng giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành không còn phù hợp với Khung giá tính thuế tài nguyên ban hành kèm theo Thông tư này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản điều chỉnh cho phù hợp, chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.”

Căn cứ các quy định nêu trên, đối với hoạt động khai thác nước thiên nhiên không bán ra mà đưa vào sản xuất nước sạch thì tính thuế tài nguyên trên sản lượng nước thiên nhiên khai thác và giá tính thuế đơn vị tài nguyên nước thiên nhiên khai thác do UBND tỉnh quy định được hướng dẫn tại điểm c, khoản 4, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC nêu trên, phải đảm bảo lớn hơn hoặc bằng mức giá tối thiểu của nhóm, loại tài nguyên tương ứng quy định tại Khung giá tính thuế tài nguyên được hướng dẫn tại khoản 4, Điều 5 Thông tư số 44/2017/TT-BTC nêu trên.

Tổng cục Thuế thông báo để Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên được biết././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Tổng cục trưởng - Cao Anh Tuấn (để báo cáo);
- Vụ PC-TCT;
- Lưu: VT, CS (3b).✕

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Hoàng Thị Hà Giang





**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

Số: 1852/TCT-CS
V/v: thuế tài nguyên

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Cục Thuế tỉnh Hòa Bình.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 637/CTHBI-TTHT ngày 23/02/2023 của Cục Thuế tỉnh Hòa Bình về giá tính thuế tài nguyên. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 1, 4 Điều 6 Luật thuế tài nguyên;
- Căn cứ Điều 3 và khoản 1, 4 Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên (đã được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 4 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ);
- Căn cứ khoản 5 Điều 5, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.

Căn cứ các quy định nêu trên:

Đối với nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định bằng mét khối (m³) hoặc lít (l) theo hệ thống đo đếm đạt tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam. Người nộp thuế phải lắp đặt thiết bị đo đếm sản lượng nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên khai thác để làm căn cứ tính thuế.

Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Trường hợp nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh mà không có giá bán ra thì giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Giá tính thuế đối với tài nguyên khai thác được xác định ở khâu nào thì sản lượng tính thuế tài nguyên áp dụng tại khâu đó.

Đề nghị Cục Thuế tỉnh Hòa Bình nghiên cứu các quy định nêu trên để thực hiện xác định giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên khai thác dùng cho sản xuất, kinh doanh đúng theo quy định của pháp luật.

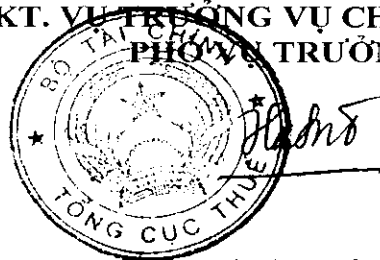
Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế tỉnh Hòa Bình được biết./in

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCTr Đặng Ngọc Minh (để b/c);
- Vụ CST, Vụ PC (BTC);
- Lưu: VT, CS.

6 am

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VI TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



Hoàng Thị Hà Giang